

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18-01-2024

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm

Bà Nguyễn Thị Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023, về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1997; quốc tịch: Việt Nam; cư trú tại địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; căn cước công dân số: 07xxxxxxx42 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/4/2021. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Ông Lương Quang N, sinh ngày 14 tháng 11 năm 1990; quốc tịch: Hoa Kỳ (USA); số hộ chiếu: 499427039 do Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ (USA) cấp ngày 28/8/2012; cư trú tại địa chỉ: NE 56th St, Pleasant H, Hoa Kỳ (USA). Vắng mặt

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày:

Bà P và ông Lương Quang N tự nguyện kết hôn có đăng ký theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 15/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Bình Phước. Thời gian khoảng 01 tháng sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa hợp. Sau đó ông N trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc, mỗi năm chỉ trở lại Việt Nam thăm bà P một lần. Do vợ chồng không còn chung sống với nhau, khoảng cách địa lý xa xôi nên bắt đầu phát sinh

mâu thuẫn, hiểu lầm dẫn đến tình cảm ngày càng xa cách. Bà và ông N đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành.

Nay nhận thấy không còn tình cảm với ông N, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lương Quang N.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lương Quang N:

Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục uỷ thác tư pháp đến cơ quan có thẩm quyền để tổng đạt các văn bản tố tụng và thu thập ý kiến trình bày của bị đơn ông Lương Quang N. Tại Công văn số 2783/BTP-PLQT ngày 16/10/2023 của Bộ Tư pháp thông báo về kết quả uỷ thác tư pháp thể hiện cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ đã thực hiện việc uỷ thác tư pháp, tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Lương Quang N vào ngày 14/8/2023. Tuy nhiên, đến nay Tòa án vẫn không nhận được tài liệu, chứng cứ hay văn bản nêu ý kiến của ông Lương Quang N liên quan đến yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng P.

- Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P, xử cho bà Nguyễn Thị Hồng P được ly hôn với ông Lương Quang N; về con chung, tài sản chung, nợ chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P có địa chỉ thường trú tại tổ A, khu phố B, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước, yêu cầu ly hôn ông Lương Quang N, quốc tịch Hoa Kỳ, hiện đang cư trú tại NE 56th St, Pleasant H, Hoa Kỳ nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 và điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lương Quang N đã được Tòa án tiến hành thủ tục uỷ thác tư pháp theo đúng quy định của pháp luật, cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Lương Quang N. Vì vậy, thủ

tục tổng đạt cho ông Lương Quang N là hợp lệ. Tại phiên toà, ông Lương Quang N vắng mặt không lý do. Đây là phiên toà lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các điều 227, 228 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng P và ông Lương Quang N tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 15/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Bình Phước nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà P, ông N chỉ chung sống hạnh phúc, hòa hợp được thời gian ngắn, sau đó ông N trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc, mỗi năm chỉ trở lại Việt Nam thăm bà P một lần. Hiện nay, vợ chồng không còn chung sống với nhau, khoảng cách địa lý xa xôi nên phát sinh mâu thuẫn, hiểu lầm dẫn đến tình cảm ngày càng xa cách; vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành; bà P và ông N không còn liên lạc, quan tâm đến nhau.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà P và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hai bên đã không còn sống chung với nhau và cũng không còn liên lạc, quan tâm, lo lắng cho nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Hồng P được ly hôn ông Lương Quang N.

[4] Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu theo quy định.

Chi phí uỷ thác tư pháp và các chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Điều 39, khoản 4 Điều 147, các điều 227, 228, 271, 273, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470, khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P.

Bà Nguyễn Thị Hồng P được ly hôn ông Lương Quang N.

2. *Về con chung:* Không có.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:*

Bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004842 ngày 10/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

5. *Chi phí uỷ thác tư pháp:* Bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 200.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019908 ngày 08/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

6. *Chi phí tố tụng khác:* Bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng chi phí dịch thuật; 95 (chín mươi lăm) USD chi phí thực tế tổng đạt giấy tờ uỷ thác tư pháp và lệ phí chuyển tiền 415.694 (bốn trăm mười lăm nghìn, sáu trăm chín mươi bốn) đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đã nộp và bà Phượng đã thực hiện xong.

7. *Chi phí uỷ thác tổng đạt bản án sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị Hồng P phải nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước; nộp số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng chi phí dịch thuật và 95 (chín mươi lăm) USD chi phí thực tế tổng đạt giấy tờ uỷ thác tư pháp (nộp theo thông báo của Tòa án).

8. *Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; bị đơn ông Lương Quang N được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS thành phố Đ, tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- UBND thị xã C, tỉnh Bình Phước;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tiến Hiệp